

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 387/2019/TLST-VDS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 154/2, ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh B.

2. Ông Trần Quốc N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp Phú L, xã Phú Đ, huyện C, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 27 tháng 9 năm 2019 các đương sự thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Ông Trần Quốc N và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thảo U, sinh ngày 05/9/1991 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông N bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N bà T đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc N bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông Trần Quốc N bà Lê Thị T có 01 con chung tên Trần Thảo U, sinh ngày 05/9/1991 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông Trần Quốc N bà Lê Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông Trần Quốc N bà Lê Thị T đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: không

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Trần Quốc N bà Lê Thị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0005235 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. (Ông N bà T đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND xã S, TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

